

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 245/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 09 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp xã lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Có danh mục và nội dung quy trình kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
<i>(1)</i>		<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
I	TTHC CẤP TỈNH: 08 TTHC					
1	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường): + Điểm tiếp nhận số 1: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. + Điểm tiếp nhận số 2: Số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	- Phí thẩm định và chứng nhận mẫu dịch tự do (FSC), giấy chứng nhận sản phẩm thuốc (CPP), các giấy chứng nhận thuốc thú y để xuất khẩu: 180.000 đồng/01 loại thuốc. - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thức ăn chăn nuôi lưu hành tự do tại Việt Nam: 350.000 đồng/01 sản phẩm/lần.	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Chủ tịch

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
						UBND tỉnh
2	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường): + Điểm tiếp nhận số 1: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. + Điểm tiếp nhận số 2: Số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Trong thời hạn 35 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm)	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường): + Điểm tiếp nhận số 1: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. + Điểm tiếp nhận số 2: Số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	32.000.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	1.003486	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	Trong thời hạn 30 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm)	- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	32.000.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm.	
5	1.003058	Gia hạn chỉ	Trong thời hạn		22.500.000	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	35 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm)	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường): + Điểm tiếp nhận số 1: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. + Điểm tiếp nhận số 2: Số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	đồng/lần/phòng kiểm nghiệm.	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Trong thời hạn 35 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm)		22.500.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm.	
7	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát	Trong thời hạn 05 (năm)	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm	Không	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
<i>(1)</i>		<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
		cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường): + Điểm tiếp nhận số 1: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. + Điểm tiếp nhận số 2: Số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Công Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
8	2.001827	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường): + Điểm tiếp nhận số 1: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. + Điểm tiếp nhận số 2: Số 519, đường Nguyễn Trãi,	700.000 đồng/cơ sở	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		và Môi trường; - Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
II TTHC CẤP XÃ: 01 TTHC						
1	2.001827	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	700.000 đồng/cơ sở	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

Phần II**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****1. Các TTHC áp dụng quy trình 03 ngày làm việc****1.1. Mã, tên TTHC:**

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1.2. Nội dung quy trình:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	02 giờ làm việc	
Bước 2	Phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	02 giờ làm việc	
Bước 3	Thẩm định, thẩm tra đánh giá hồ sơ; Trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, kiểm tra kết quả giải quyết	Chuyên viên thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc	
Bước 4	Kiểm tra, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết; trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	04 giờ làm việc	
Bước 5	Xem xét kết quả xử lý, giải quyết hồ sơ và phê duyệt	Lãnh đạo Sở	04 giờ làm việc	
Bước 6	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư	02 giờ làm việc	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 7	Trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	02 giờ làm việc	

2. Các TTHC áp dụng quy trình 35 ngày làm việc

2.1. Mã, tên TTHC:

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước
2	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005
3	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước
4	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước

2.2. Nội dung quy trình:

2.2.1. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 2	Phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	0,5 ngày làm việc	
Bước 3	- Thẩm định hồ sơ, dự thảo quyết định thành lập đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm. - Đoàn đánh giá gửi kết luận của đoàn đánh giá về cơ quan chỉ định và dự thảo Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm nếu đạt yêu cầu hoặc dự thảo thông báo bằng văn bản về lý do không chỉ định cho cơ sở kiểm nghiệm nếu không đạt yêu cầu; Trong trường hợp cần thiết, tham mưu thành lập hội đồng tư vấn trước khi ban hành Quyết định chỉ định.	Chuyên viên thụ lý hồ sơ	15 ngày làm việc	
Bước 4	Gửi kết luận về cơ quan chỉ định; Dự thảo kết quả, thực hiện ký nháy vào dự thảo kết quả, trình lãnh đạo Chi cục ký	Đoàn đánh giá	04 ngày làm việc	
Bước 5	Xem xét, Trình Lãnh đạo Sở xem xét	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	10 ngày làm việc	
Bước 6	Xem xét kết quả xử lý, giải quyết hồ sơ và phê duyệt	Lãnh đạo Sở	04 ngày làm việc	
Bước 7	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư	0,5 ngày làm việc	
Bước 8	Trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	

2.2.2. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	
Bước 2	Phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	0,5 ngày làm việc	
Bước 3	Soát xét hồ sơ. Nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải có văn bản thông báo cho đơn vị nộp hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định	Chuyên viên thụ lý hồ sơ	10 ngày làm việc	
Bước 4	- Thẩm định hồ sơ. - Chuyên viên xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả - Lãnh đạo phòng xem xét dự thảo kết quả, thực hiện ký nháy vào dự thảo kết quả, trình lãnh đạo Chi cục ký	Chuyên viên thụ lý hồ sơ	21 ngày làm việc	
Bước 5	Kiểm tra, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết; trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	01 ngày làm việc	
Bước 6	Xem xét kết quả xử lý, giải quyết hồ sơ và phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	
Bước 7	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư	0,5 ngày làm việc	
Bước 8	Trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	

2.2.3. Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước**2.2.4. Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	
Bước 2	Phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	0,5 ngày làm việc	
Bước 3	Soát xét hồ sơ. Nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải có văn bản thông báo cho đơn vị nộp hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định	Chuyên viên thụ lý hồ sơ	10 ngày làm việc	
Bước 4	Tham mưu ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm; xây dựng dự thảo kết luận	Chuyên viên thụ lý hồ sơ	15 ngày làm việc	
Bước 5	Kiểm tra, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết; trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	10 ngày làm việc	
Bước 6	Xem xét kết quả xử lý, giải quyết hồ sơ và phê duyệt	Lãnh đạo Sở	05 ngày làm việc	
Bước 7	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư	0,5 ngày làm việc	
Bước 8	Trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	

3. Các TTHC áp dụng quy trình 05 ngày làm việc**3.1. Mã, tên TTHC:**

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm

3.2. Nội dung quy trình:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	
Bước 2	Phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	0,5 ngày làm việc	
Bước 3	Chuyên viên xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả; Lãnh đạo xem xét dự thảo kết quả, thực hiện ký nháy vào dự thảo kết quả, trình lãnh đạo Chi cục ký	Chuyên viên thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc	
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục xem xét dự thảo kết quả; trình Lãnh đạo Sở xem xét và ký	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	0,5 ngày làm việc	
Bước 5	Xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc	
Bước 6	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư	0,5 ngày làm việc	
Bước 7	Trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	

4. Các TTHC áp dụng quy trình 15 ngày**4.1. Mã, tên TTHC:**

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Cấp tỉnh)
2	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Cấp xã)

4.2. Nội dung quy trình:**4.2.1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Cấp tỉnh)**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	
Bước 2	Phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	0,5 ngày làm việc	
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ; - Xử lý hồ sơ, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở; xây dựng dự thảo kết quả, trình lãnh đạo Chi cục	Chuyên viên thụ lý hồ sơ	12 ngày làm việc	
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục xem xét dự thảo kết quả; trình Lãnh đạo Sở xem xét và ký Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	04 giờ làm việc	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 5	Xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết và ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	
Bước 6	Phát hành kết quả (cấp sổ, đóng dấu)	Văn thư	0,5 ngày làm việc	
Bước 7	Trả kết quả	Cán bộ Một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	

4.2.1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Cấp xã)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; chuyển hồ sơ về UBND cấp xã (theo phân công, phân cấp về quản lý an toàn thực phẩm)	Cán bộ Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc	
Bước 2	Chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã và phân công xử lý hồ sơ	Chủ tịch UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ - Xử lý hồ sơ, tham mưu cho UBND cấp xã thành lập đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở; xây dựng dự thảo kết quả Giấy chứng nhận, trình lãnh đạo phòng chuyên môn	Cán bộ phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	12 ngày làm việc	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 4	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã xem xét dự thảo kết quả; trình Chủ tịch UBND xã xem xét và ký Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	
Bước 5	Xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết và ký Giấy chứng nhận	Chủ tịch UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	
Bước 6	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư	0,5 ngày làm việc	
Bước 7	Trả kết quả	Cán bộ Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc	